TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2018.
V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Bình.

2. Bà Tạ Thanh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm: 1980

ĐKHKTT: Đường N, tổ 03, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Đường L, tổ 03, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T), sinh năm: 1978

ĐKHKTT và chỗ ở: Đường N, tổ 03, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2018, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Chị Đặng Thị M trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T) tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã T (nay là phường P, thành phố T), tỉnh Thái Bình ngày 11/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại số nhà 57, đường N, tổ 03, phường P, thành phố T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, xô xát, đã nhiều lần chị bị anh T đánh. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến ngày 20/9/2017, vợ chồng ly thân, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 03, đường L, tổ 03, phường P, thành phố T sinh sống cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T).

Về nuôi con chung: Chị và anh T có hai con chung là Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 20/5/2000 và Bùi Thị Phương Y, sinh ngày 11/8/2006, hiện nay hai con đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thị Phương Y, anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thị Huyền D, không ai phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty cổ phần Sợi A, thành phố T, thu nhập bình quân hàng tháng của chị từ 4.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng, chị đang ở nhà cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dạy và chăm sóc con, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn: Anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T) trình bày:

Anh được mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C chuyển cho 01 Thông báo về việc thụ lý vụ án số 26 ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình về việc chị Đặng Thị M xin ly hôn anh, anh trình bày cụ thể như sau:

Anh và chị Đặng Thị M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã T (nay là phường P, thành phố T), tỉnh Thái Bình ngày 11/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2013 vợ chồng có cãi nhau do va chạm trong cuộc sống hằng ngày, chị M đã bỏ đi mấy ngày, sau đó lại quay về sinh sống cùng anh. Đến tháng 9/2017, cũng do vợ chồng cãi nhau nên chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị M xin ly hôn, anh không đồng ý vì những mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có hai con chung là Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 20/5/2000 và Bùi Thị Phương Y, sinh ngày 11/8/2006, hiện nay hai con

đang ở cùng anh. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con. Hiện anh là lao động tự do, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng, con D đã gần 18 tuổi nên thời gian tới sẽ đi làm và tự lo cho cuộc sống, còn con Y thì anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chu đáo.

Về tài sản chung: Anh và chị M tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Ông Phan Văn H – Tổ trưởng tổ dân phố số 03, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp:

Về điều kiện kết hôn của chị Đặng Thị M và anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T) như hai người đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thể xảy ra những mâu thuẫn nhưng không thấy ai báo cáo gì nên tổ dân phố không phải can thiệp đến những mâu thuẫn của chị M và anh T. Việc chị M và anh T đoàn tụ hay ly hôn là do hai người quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có hai con như chị M và anh T đã trình bày là đúng, việc ai trực tiếp nuôi dưỡng con đề nghị Tòa án cân nhắc vì cả chị M và anh T đều đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con. Chị M và anh T không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể của địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T).

+ Về nuôi con chung: Xử giao con Bùi Thị Phương Y, sinh ngày 11/8/2006 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Con Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 20/5/2000 đến nay đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng Nguyên đơn là chị Đặng Thị M có đơn xin vắng mặt, Bị đơn là anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T) vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị M và anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T) được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến ngày 20/9/2017 mâu thuẫn vợ chồng trở lên đỉnh điểm, chị M đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T cho rằng những mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những va chạm hằng ngày, chưa trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với chị M, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị M và anh T ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T) là đúng pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị M và anh T có hai con chung là Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 20/5/2000 và Bùi Thị Phương Y, sinh ngày 11/8/2006, hiện nay hai con đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thị Phương Y, anh Tiềm trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thị Huyền D, không ai phải cấp dưỡng cho con. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con. Chị M và anh T đều trình bày điều kiện để nuôi con. Xét đề nghị của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị M và anh T là chính đáng, cả hai người đều có đủ điều kiện về thu nhập, chỗ ở để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Tuy nhiên, con Bùi Thị Huyền D, sinh ngày 20/5/2000 đến ngày hôm nay đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết. Con Bùi Thị Phương Y, sinh ngày 11/8/2006, là con gái đang độ tuổi phát triển về tính cách và tâm sinh lý nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử cần giao con Bùi Thị Phương Y cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con.

[4] Về tài sản chung: Do chị M và anh T tự phân chia tài sản chung, vợ chồng không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Bùi Xuân T (Bùi Văn T).

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Bùi Thị Phương Y, sinh ngày 11/8/2006 cho chị Đặng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Chị M và anh T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006942 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Thái Bình;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND p.P, TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái